

Số: 3638 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 03 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; Số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính; số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 191/TTr-SXD ngày 03/11/2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế lĩnh vực xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện tổ chức thực hiện việc công khai danh mục và nội dung thủ tục

hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế lĩnh vực xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng; cập nhật quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật trên Hệ thống Một cửa điện tử và Dịch vụ công trực tuyến thành phố thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành./

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- VPCP (Cục KSTTHC);
- Bộ Xây dựng;
- TTTU; TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- CVP, các PVP UBND TP;
- Đài PT&THHP; Báo HP; CĐ ANHP;
- Công TTĐTTP;
- Các phòng: KSTTHC, XDGTCT;
- Lưu: VT, KSTTHC5

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tùng

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ
TRONG LĨNH VỰC XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG (28 TTHC)**
(Ban hành kèm theo Quyết định số **3638**/QĐ-UBND ngày **03/11/2023** của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. DANH MỤC THỦ TỤC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG (20 TTHC)

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
I. Lĩnh vực Xây dựng (22 TTHC)								
1	1.009974	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyến, Theo tuyến trong đô thị, Tín ngưỡng, tôn giáo, Tượng đài, tranh hoành tráng, Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến, Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị, Dự án)	20 ngày làm việc	Sở Xây dựng	150.000 đồng/ giấy phép	Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Xây dựng năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023; - Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023. - Nghị quyết số 45/2018/ NQ-HĐND ngày 10/12/2018.
2	1.009975	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyến, Theo tuyến trong đô thị, Tín ngưỡng, tôn giáo, Tượng đài, tranh hoành tráng, Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến, Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị, Dự án)	20 ngày làm việc	Sở Xây dựng	150.000 đồng/ giấy phép	Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Xây dựng năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023; - Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023. - Nghị quyết số 45/2018/ NQ-HĐND ngày 10/12/2018.

3	1.009976	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyến, Theo tuyến trong đô thị, Tín ngưỡng, tôn giáo, Tượng đài, tranh hoành tráng, Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến, Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị, Dự án)	20 ngày làm việc	Sở Xây dựng	150.000 đồng/giấy phép	Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Xây dựng năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023; - Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023. - Nghị quyết số 45/2018/ NQ-HĐND ngày 10/12/2018.
4	1.009977	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyến, Theo tuyến trong đô thị, Tín ngưỡng, tôn giáo, Tượng đài, tranh hoành tráng, Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến, Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị, Dự án)	20 ngày làm việc	Sở Xây dựng	150.000 đồng/giấy phép	Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Xây dựng năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023; - Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023. - Nghị quyết số 45/2018/ NQ-HĐND ngày 10/12/2018.
5	1.009978	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyến, Theo tuyến trong đô thị, Tín ngưỡng, tôn giáo, Tượng đài, tranh hoành tráng, Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến, Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị, Dự án)	5 ngày làm việc	Sở Xây dựng	15.000 đồng/giấy phép	Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Xây dựng năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023; - Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023. - Nghị quyết số 45/2018/ NQ-HĐND ngày 10/12/2018.
6	1.009979	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyến, Theo	5 ngày làm	Sở Xây dựng	15.000 đồng/giấy	Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết	- Luật Xây dựng năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;

		tuyển trong đô thị, Tín ngưỡng, tôn giáo, Tượng đài, tranh hoành tráng, Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển, Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị, Dự án)	việc		phép		quả	- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023; - Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023. - Nghị quyết số 45/2018/ NQ-HĐND ngày 10/12/2018.
7	1.009982	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III.	20 ngày làm việc	Sở Xây dựng	300.000 đồng chứng chỉ	Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Xây dựng năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023; - Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023. - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/06/2022.
8	1.009983	Cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III.	20 ngày làm việc	Sở Xây dựng	300.000 đồng chứng chỉ	Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Xây dựng năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023; - Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023. - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/06/2022.
9	1.009984	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III. (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng)	10 ngày làm việc	Sở Xây dựng	150.000 đồng/ chứng chỉ	Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Xây dựng năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023; - Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023. - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/06/2022.
10	1.009985	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III. (bị ghi sai thông tin)	05 ngày làm	Sở Xây dựng	150.000 đồng/ chứng chỉ	Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết	- Luật Xây dựng năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;

		việc				quả	- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023; - Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023. - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/06/2022.
11	1.009986	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III.	20 ngày làm việc	Sở Xây dựng	150.000 đồng/chứng chỉ	Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023; - Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023. - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/06/2022.
12	1.009928	Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III.	20 ngày làm việc	Sở Xây dựng	150.000 đồng/chứng chỉ	Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023; - Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023. - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/06/2022.
13	1.009987	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III của cá nhân nước ngoài	25 ngày làm việc	Sở Xây dựng	300.000 đồng/chứng chỉ	Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023; - Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023. - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/06/2022.
14	1.009988	Cấp chứng chỉ năng lực lần đầu hoạt động xây dựng hạng II, hạng III.	20 ngày làm	Sở Xây dựng	1.000.000 đồng chứng chỉ;	Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;

		việc				quả	- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023; - Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023. - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/06/2022.
15	1.009989	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III. (do mất, hư hỏng)	10 ngày làm việc	Sở Xây dựng	500.000 đồng/chứng chỉ	Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023; - Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023. - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/06/2022.
16	1.009990	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III. (do lỗi cơ quan cấp)	10 ngày làm việc	Sở Xây dựng	500.000 đồng/chứng chỉ	Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023; - Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023. - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/06/2022.
17	1.009991	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III.	20 ngày làm việc	Sở Xây dựng	500.000 đồng/chứng chỉ	Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023; - Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023. - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/06/2022.

18	1.009936	Cấp gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III.	20 ngày làm việc	Sở Xây dựng	500.000 đồng/chứng chỉ	Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Xây dựng năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023; - Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023. - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/06/2022.
----	----------	--	------------------	-------------	------------------------	------------	--------------------------	---

19	1.009972	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	35 ngày dự án nhóm A 25 ngày đối với dự án nhóm B 15 ngày đối với dự án nhóm C	Sở Xây dựng	Thông tư số 27/2023/TT-BTC	Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Xây dựng năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023; - Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023. - Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12/05/2023;
20	1.009973	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh	40 ngày đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I 30 ngày đối với công trình cấp II, III 20 ngày với các công trình còn lại	Sở Xây dựng	Thông tư số 27/2023/TT-BTC	Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Xây dựng năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023; - Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023. - Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12/05/2023;

B. DANH MỤC THỦ TỤC THAY THẾ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG (02 TTHC)

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
I. Lĩnh vực Xây dựng (22 TTHC)								
1	1.011976	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	20 ngày làm việc	Sở Xây dựng	2.000.000đ /giấy phép	Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Xây dựng năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023; - Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023. - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/06/2022.
2	1.011977	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng điều chỉnh cho nhà thầu nước ngoài	20 ngày làm việc	Sở Xây dựng	2.000.000 đ/giấy phép	Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Xây dựng năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023; - Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023. - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/06/2022.

C. DANH MỤC THỦ TỤC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN (06 TTHC)

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến	Dịch vụ bưu chính công ích	
I. Lĩnh vực Xây dựng (06 TTHC)								
1	1.009994	Cấp Giấy phép xây dựng mới đối công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến, Theo tuyến trong đô thị, Tín ngưỡng, tôn giáo, Tượng đài, tranh hoành tráng, Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến, Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị, Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	20 ngày đối với công trình, 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ (ngày làm việc)	UBND cấp Huyện	Đối với nhà ở riêng lẻ: 75.000 đ/ giấy phép; Đối với công trình 150.000 đồng/ giấy phép		Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Xây dựng năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023; - Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023. - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/06/2022.
2	1.009995	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến, Theo tuyến trong đô thị, Tín ngưỡng, tôn giáo, Tượng đài, tranh hoành tráng, Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến, Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị, Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	20 ngày đối với công trình, 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ (ngày làm việc)	UBND cấp Huyện	Đối với nhà ở riêng lẻ: 75.000 đ/ giấy phép; Đối với công trình 150.000 đồng/ giấy phép		Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Xây dựng năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023; - Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023. - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/06/2022.

3	1.009996	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến, Theo tuyến trong đô thị, Tín ngưỡng, tôn giáo, Tượng đài, tranh hoành tráng, Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến, Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị, Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	20 ngày đối với công trình, 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ (ngày làm việc)	UBND cấp Huyện	Đối với nhà ở riêng lẻ: 75.000 đ/ giấy phép; Đối với công trình 150.000 đồng/ giấy phép		Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Xây dựng năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023. - Nghị quyết số 45/2018/ NQ-HĐND ngày 10/12/2018.
4	1.009997	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến, Theo tuyến trong đô thị, Tín ngưỡng, tôn giáo, Tượng đài, tranh hoành tráng, Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến, Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị, Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	20 ngày đối với công trình, 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ (ngày làm việc)	UBND cấp Huyện	Đối với nhà ở riêng lẻ: 75.000 đ/ giấy phép; Đối với công trình 150.000 đồng/ giấy phép		Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Xây dựng năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023. - Nghị quyết số 45/2018/ NQ-HĐND ngày 10/12/2018.
5	1.009998	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến, Theo tuyến trong đô thị, Tín ngưỡng, tôn giáo, Tượng đài, tranh hoành tráng, Theo giai đoạn cho công trình không	05 ngày làm việc	UBND cấp Huyện	15.000 đồng/ giấy phép		Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Xây dựng năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định

		theo tuyến, Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị, Dự án) và nhà ở riêng lẻ.					thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023. - Nghị quyết số 45/2018/ NQ-HĐND ngày 10/12/2018.
6	1.009999	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến, Theo tuyến trong đô thị, Tín ngưỡng, tôn giáo, Tượng đài, tranh hoành tráng, Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến, Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị, Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	05 ngày làm việc	UBND cấp Huyện	15.000 đồng/giấy phép	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Xây dựng năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023. - Nghị quyết số 45/2018/ NQ-HĐND ngày 10/12/2018.